

Vietnam Daily Review

Nhịp điều chỉnh tiếp tục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/8/2021		•	
Tuần 9/8-13/8/2021		•	
Tháng 8/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có một phiên giao dịch khá giằng co giữa lực mua và lực bán nhưng cuối cùng cũng trở về với sắc đỏ vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư tiếp tục thu hẹp khi thị trường chỉ có 5/19 nhóm ngành tăng điểm với biên độ khá thấp. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái trung lập với thanh khoản giảm so với phiên trước cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HNX và HSX. Xu hướng suy yếu của thanh khoản quanh khi thị trường điều chỉnh về ngưỡng 1350 điểm sẽ là một bước kiểm tra quan trọng trong ngắn hạn. Nếu thị trường hồi phục khi chạm ngưỡng 1350 điểm, VN-Index vẫn có thể quay trở lại ngưỡng 1380 điểm. Nếu không, thị trường có thể điều chỉnh về ngưỡng 1330 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: FCN_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-4.74** điểm, đóng cửa **1353.05**. HNX-Index **-0.11**, đóng cửa **334.33**.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+0.91)**; **VPB (+0.47)**; **C32(+0.38)**; **KDH(+0.32)**; **BVH(+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.64)**; **VCB (-0.60)**; **FPT(-0.56)**; **ILB (-0.56)**; **GAS(-0.52)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,630 tỷ đồng, -12.1%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,684 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11.96 điểm. Thị trường có **185** mã tăng, 43 mã tham chiếu và **183** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-143.43** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-55.5 tỷ)**, **VRE (-55.4 tỷ)** và **SSI (-50.7 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-25.57** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1353.05**
Giá trị: 21630.02 tỷ **-4.74 (-0.35%)**
Khối ngoại (ròng): -143.43 tỷ

HNX-INDEX **334.33**
Giá trị: 3406.82 tỷ **-0.11 (-0.03%)**
Khối ngoại (ròng): -25.57 tỷ

UPCOM-INDEX **91.98**
Giá trị: 1725.4 tỷ **-0.03 (-0.03%)**
Khối ngoại(ròng): 24.53 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	69.1	-0.19%
Giá vàng	1,755	0.20%
Tỷ giá USD/VND	22,805	-0.14%
Tỷ giá EUR/VND	26,786	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	20,658	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	8.88%
LS TPCP 5 năm	1.0%	-4.26%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	55.0	VNM	55.5
GMD	45.7	VRE	55.4
CTG	29.4	SSI	50.7
VCB	28.4	PC1	41.2
DIG	18.5	VIC	39.7
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 12/8

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	69.25	0.00%	0.20%	-7.30%	54.75%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	71.45	0.01%	0.20%	-5.60%	47.20%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	230.68	0.20%	0.60%	0.20%	71.89%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1749.75	-0.11%	-3.00%	-3.20%	-9.29%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.47	-0.32%	-6.70%	-9.70%	-11.78%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1334.75	-0.39%	0.50%	-1.30%	46.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	738.25	-0.14%	1.80%	14.90%	36.33%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.24	0.00%	5.10%	-6.00%	2.62%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	200.74	-0.29%	1.00%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.47	-0.61%	8.60%	14.60%	54.52%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	187.00	1.03%	4.60%	19.30%	56.16%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9512.00	-0.09%	0.50%	1.10%	47.87%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	856.41	-0.12%	1.20%	3.00%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	903.81	-0.69%	0.40%	0.00%			
Nhôm	USD/ton	2585.50	0.43%	0.70%	3.90%	44.68%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	131.56	-0.47%	-6.20%	-20.80%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	157.35	0.80%	9.20%	24.00%	146.82%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• HDTL dầu thô Brent tăng 0.81 US cent hay 1.2% lên 71.44 USD/thùng. HDTL dầu thô Tây Texas WTI tăng 0.96 USD hay 1.4% lên 69.25 USD/thùng. Số liệu của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho thấy tồn kho dầu thô giảm trong tuần trước, trong khi tồn kho xăng giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 11/2020. Nhìn chung, tồn kho dầu thô đã sụt giảm trong vài tuần do nhu cầu tăng.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 1.4% lên 1,752.46 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12 trên sàn New York tăng 1.2% lên 1,753.3 USD/ounce.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Đại Liên tăng 3.7% lên 871.5 CNY (134.33 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Singapore tăng 2.4% lên 163.8 USD/tấn.

• Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải tăng 2.4%. Thép cuộn cán nóng tăng 1.7%.

• Các nhà máy tại nhà sản xuất thép hàng đầu Trung Quốc - đã được yêu cầu giảm sản lượng bắt đầu từ tháng 7 để hạn chế sản lượng cả năm nay không cao hơn khối lượng năm 2020 nhằm cắt giảm mức khí thải - đang đối mặt với khả năng hạn chế kéo dài. Việc hạn chế này làm giảm nhu cầu quặng sắt, đưa giá quặng sắt xuống mức thấp nhất trong hơn 4 tháng, theo số liệu của SteelHome. Đường Sơn sẽ kéo dài việc hạn chế sản lượng thép tới ngày 13/3/2022 để đảm bảo chất lượng không khí tốt cho Thế vận hội.

Giá cao su

• Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Osaka tăng 0.1 JPY lên 22.3 JPY (2 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn Thượng Hải giảm 30 CNY xuống 14,820 CNY (2,285 USD)/tấn.

• Giá cao su tăng gần đây bởi nguồn cung khan hiếm do hạn chế từ đại dịch tại Đông Nam Á và hy vọng nhu cầu phục hồi mạnh tại Mỹ và Châu Âu nơi các biện pháp phong tỏa được nới lỏng. Nhưng lo lắng về sự phục hồi tại Trung Quốc đang chậm lại đã hạn chế đà tăng giá. Doanh số bán ô tô của Trung Quốc giảm trong tháng 7, giảm tháng thứ 3 liên tiếp, bị thiệt hại nặng nề bởi lũ lụt tại một số khu vực, sự bùng phát Covid-19 tại một số nơi và tình trạng thiếu hụt chất bán dẫn trên toàn cầu.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 1.85 US cent hay 1% lên 1.8385 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn London tăng 1 USD hay 0.1% lên 1,864 USD/tấn. Tổ chức Cà phê Thế giới cho biết giá cà phê trung bình trong tháng 7 là cao nhất kể từ tháng 11/2014 do lo ngại tăng lên về nguồn cung hiện tại và tương lai, đặc biệt tại nhà sản xuất lớn nhất thế giới, Brazil.

• Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn London tăng 3 USD hay 0.6% lên 471.2 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE giảm 0.12 US cent hay 0.6% xuống 19.47 US cent/lb. Theo Ngân hàng Commerzbank, nếu thiệt hại với cây trồng từ đợt băng giá trong tháng 6 và 7 khiến vụ mía tại Brazil có thể kết thúc sớm hơn bình thường theo Unico, nguồn cung đường toàn cầu sẽ thiếu đáng kể do Brazil chiếm khoảng 40% xuất khẩu đường toàn cầu.

	12/8	% 12/8	11/8	% 11/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1353.05	-0.35%	1357.79	-0.34%	0.56%	4.28%
S&P 500			4447.70	0.25%	1.02%	1.44%
HDTL S&P500	4440.50	0.00%	4440.60	0.24%	0.43%	1.82%
Shang- hai	3524.74	-0.22%	3532.62	0.08%	1.68%	-1.17%
Euro Stoxx	4211.46	0.12%	4206.33	0.44%	1.21%	2.86%

Phân tích kỹ thuật
FCN_Tích cực

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, đường MACD cắt lên đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: FCN đang nằm trong xu hướng hồi phục từ vùng đáy 10.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá cổ phiếu. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên MA20 và MA50, báo hiệu xu hướng tăng giá tích cực. Tuy nhiên việc RSI ở vùng quá bán cho thấy cổ phiếu có thể xuất hiện 1,2 phiên điều chỉnh nhẹ trước khi quay trở lại xu hướng tăng điểm. Nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh vùng giá 13.0, chốt lãi tại ngưỡng 17.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 12.15.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

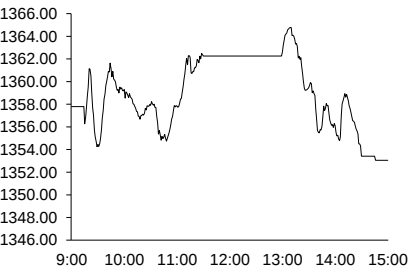
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	1.78%
Xây dựng và Vật liệu	1.58%
Bất động sản	0.50%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.48%
Y tế	0.14%
Du lịch và Giải trí	-0.16%
Truyền thông	-0.26%
Dịch vụ tài chính	-0.33%
Hóa chất	-0.52%
Ngân hàng	-0.60%
Dầu khí	-0.68%
Thực phẩm và đồ uống	-0.73%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.77%
Ô tô và phụ tùng	-1.03%
Tài nguyên Cơ bản	-1.11%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.00%
Công nghệ Thông tin	-2.01%
Bán lẻ	-2.14%
Viễn thông	-5.00%

Hình 1

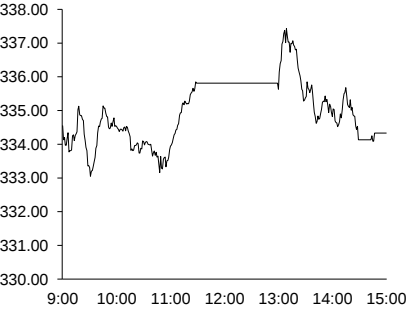
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

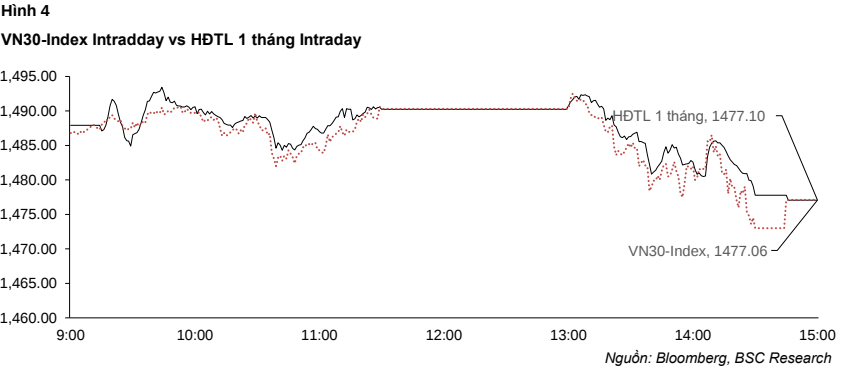
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/8/2021	VGI	32.7	38	30.5	32.5	1	-0.61%	Có thể tiếp tục mua
10/8/2021	PVD	19.6	23.5	17.5	19.65	2	0.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2021	PVT	20.05	23.5	18.5	20.6	3	2.74%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	KSB	26.1	31.5	24	30.2	6	15.71%	Cân nhắc không mua thêm (**)
5/8/2021	DRC	33.1	38	30	33.65	7	1.66%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2021	PLX	52.3	58	50	53	8	1.34%	Có thể tiếp tục mua
3/8/2021	MBS	29.9	36	28.5	31.6	9	5.69%	Có thể tiếp tục mua
2/8/2021	TNG	22.1	27	20	24.2	10	9.50%	Có thể tiếp tục mua
29/7/21	CTG	33.9	40	32	34.4	14	1.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/7/21	OCB	23.6	26	22.4	24.7	15	4.66%	Có thể tiếp tục mua
26/7/21	GVR	32.5	37.5	30	34.3	17	5.54%	Có thể tiếp tục mua
22/7/21	DPG	32.65	39.5	29.85	39.05	21	19.60%	Cân nhắc không mua thêm (**)
21/7/21	TDM	29.8	33	28.2	29.6	22	-0.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
19/7/21	CTR	75	85	69.3	82.6	24	10.13%	Cân nhắc không mua thêm (**)
16/7/21	PDR	90.2	106.5	85	92.5	27	2.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/7/21	ACB	32.75	38	30	35.3	28	7.79%	Có thể tiếp tục mua
14/7/21	ACV	75	84	72	79	29	5.33%	Có thể tiếp tục mua
13/7/21	KBC	32.5	40	30	34.9	30	7.38%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2021	ITD	18	20.25	15.25	19.15	34	6.39%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	170	36	2.53%	Có thể tiếp tục mua
6/7/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	52.6	37	15.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
31/5/21	PC1	27.6	32.5	23.5	30.3	73	9.78%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
30/7/21	BCC	10.8	13	10	TP	11	20.37%
27/7/21	DCM	18.9	21	17.5	TP	6	11.11%
23/7/21	BFC	27.4	30.5	24.5	TP	11	11.31%
20/7/21	LIX	59.1	65	57	SL	3	-3.55%
12/7/2021	VPG	38	42	32.5	TP	9	10.53%
8/7/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
5/7/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
2/7/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
1/7/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
30/6/21	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
29/6/21	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
28/6/21	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
25/6/21	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
24/6/21	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	20	2	6.80%	-0.64%	6.12%	21
Cổ phiếu đã chốt	165	109	13.66%	-7.87%	5.10%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2108	1477.10	-0.60%	0.04	11.7%	273,749	8/19/2021	7
VN30F2109	1476.00	-0.61%	-1.06	-62.2%	573	9/16/2021	35
VN30F2112	1476.50	-0.62%	-0.56	-81.4%	46	12/16/2021	126
VN30F2203	1471.10	-0.94%	-5.96	-69.5%	74	3/17/2022	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm –10.85 điểm xuống 1477.06 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, FPT, ACB, HPG, MSN tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1485-1490 điểm, trước khi giảm mạnh cuối phiên xuống dưới 1480 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2203, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.à đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2104	8/27/2021	15	3:1	73,500	40.13%	2,500	4,850	8.26%	4,333	1.12	56,500	49,000	61,900
CPNJ2104	1/7/2022	148	8:1	135,800	31.21%	2,400	1,900	5.56%	406	4.68	129,200	110,000	94,500
CKDH2002	8/16/2021	4	4:1	225,600	33.04%	1,600	4,440	0.91%	3,270	1.36	30,666	24,848	40,400
CMWG2106	1/7/2022	148	10:1	103,300	34.25%	3,000	3,270	-0.61%	1,199	2.73	210,000	180,000	170,000
CTCB2101	10/5/2021	54	1:1	44,400	40.27%	5,000	23,400	-0.64%	21,218	1.10	36,000	31,000	52,000
CHPG2109	1/10/2022	151	1:1	87,800	39.07%	4,000	7,930	-1.12%	2,815	2.82	59,000	55,000	48,400
CFPT2103	1/7/2022	148	5:1	168,500	32.52%	3,000	3,720	-1.85%	1,190	3.13	115,000	100,000	93,800
CMWG2104	3/22/2022	222	10:1	73,600	34.25%	2,400	6,300	-1.87%	4,233	1.49	159,000	135,000	170,000
CFPT2102	1/10/2022	151	5:1	44,700	32.52%	4,000	5,600	-2.10%		2.62	110,000	90,000	93,800
CMBB2103	1/7/2022	148	1.48:1	199,500	38.88%	3,000	3,170	-2.16%	905	3.50	53,000	47,000	29,500
CVNM2107	1/7/2022	148	10:1	520,000	26.05%	1,500	1,750	-2.78%	376	4.66	113,000	98,000	90,500
CPDR2102	9/27/2021	46	5:1	334,300	36.03%	1,100	3,100	-2.82%	1,381	2.24	94,499	88,999	92,500
CVNM2105	9/27/2021	46	20:1	376,400	26.05%	1,100	540	-3.57%	0	2,347.83	139,661	117,931	90,500
CSTB2105	1/10/2022	151	1:1	33,100	46.29%	4,000	7,200	-4.00%	3,585	2.01	34,000	30,000	29,600
CHPG2106	8/27/2021	15	2:1	153,500	39.07%	4,100	8,300	-4.49%	425	19.52	42,937	36,908	48,400
CSTB2104	8/27/2021	15	1:1	111,600	46.29%	4,000	7,900	-4.82%	6,747	1.17	26,900	22,900	29,600
CNVL2102	9/27/2021	46	16:1	390,300	35.85%	1,100	1,950	-4.88%	19	100.83	107,608	94,636	103,600
CVNM2106	1/13/2022	154	5:1	61,900	26.05%	4,000	3,080	-5.23%	658	4.68	120,000	100,000	90,500
CPDR2101	9/27/2021	46	5:1	184,100	36.03%	1,100	1,880	-6.93%	991	1.90	94,388	88,888	92,500
CMWG2105	8/27/2021	15	8:1	87,500	34.25%	2,950	5,300	-7.99%	4,845	1.09	155,100	131,500	170,000
Tổng				3,335,900	35.21%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/8/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CMSN2102 và CVHM2101 giảm mạnh lần lượt là -10.40% và -8.18%. Giá trị giao dịch giảm -39.93%. CHPG2106 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.89% thị trường.
- CMWG2105, CTCB2101, CVPB2104, CSTB2104, và CTCB2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CSTB2101, và CNVL2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2101, CSTB2104, và CMWG2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	170.0	-2.9%	0.9	3,513	8.8	9,594	17.7	4.4	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	94.5	-0.9%	1.0	934	1.8	5,816	16.2	3.8	49.0%	25.4%
BVH	Bảo hiểm	55.3	2.0%	1.4	1,785	3.4	2,429	22.8	2.0	26.9%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	42.2	2.9%	0.5	410	0.4	3,495	12.1	1.3	53.0%	10.9%
VIC	Bất động sản	111.1	0.1%	0.7	16,339	8.9	1,900	58.5	4.2	15.1%	7.4%
VRE	Bất động sản	28.0	0.0%	1.1	2,766	6.5	1,195	23.4	2.1	30.3%	9.3%
VHM	Bất động sản	117.0	0.9%	1.0	16,734	26.4	9,941	11.8	4.0	23.7%	39.9%
DXG	Bất động sản	22.7	2.3%	1.3	512	8.3	1,586		1.4	29.3%	11.0%
SSI	Chứng khoán	57.7	0.0%	1.5	1,643	34.5	2,817	20.5	3.3	50.6%	16.5%
VCI	Chứng khoán	55.2	0.2%	1.0	799	12.1	3,459	16.0	3.5	20.6%	25.4%
HCM	Chứng khoán	50.8	-0.4%	1.6	674	12.6	2,899	17.5	3.2	48.5%	19.4%
FPT	Công nghệ	93.8	-2.4%	0.9	3,701	34.6	4,233	22.2	5.1	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	85.1	-0.6%	0.4	1,215	0.1	4,304	19.8	5.9	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	94.5	-1.0%	1.3	7,864	3.0	4,077	23.2	3.9	2.7%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.0	-0.7%	1.5	2,866	5.0	3,090	17.2	2.7	17.5%	17.4%
PVS	Dầu khí	26.5	-0.7%	1.7	551	11.6	1,160	22.8	1.0	7.7%	4.5%
BSR	Dầu khí	19.7	-2.0%	0.8	2,656	14.4	(909)	N/A N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.0	-0.2%	0.4	534	0.0	5,761	16.3	3.6	54.6%	22.8%
DPM	Hóa chất	32.5	-6.7%	0.8	553	15.2	2,885	11.3	1.5	13.7%	13.6%
DCM	Hóa chất	22.0	-6.8%	0.7	506	10.7	1,148	19.2	1.9	1.9%	9.6%
VCB	Ngân hàng	99.9	-0.6%	1.1	16,109	4.3	5,533	18.1	3.5	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	42.8	-0.7%	1.3	7,484	3.2	2,477	17.3	2.1	16.7%	12.6%
CTG	Ngân hàng	34.4	0.3%	1.3	7,188	19.7	3,407	10.1	1.8	24.5%	18.9%
VPB	Ngân hàng	61.9	1.1%	1.2	6,606	26.7	5,052	12.3	2.5	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	29.5	-0.7%	1.2	4,846	12.6	2,764	10.7	2.1	29.9%	21.5%
ACB	Ngân hàng	35.3	-1.9%	1.0	4,147	18.8	3,589	9.8	2.4	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	57.7	-0.2%	0.7	205	0.3	4,762	12.1	2.0	83.7%	20.3%
NTP	Nhựa	48.8	-1.2%	0.4	250	0.0	4,085	11.9	2.1	18.9%	18.3%
MSR	Tài nguyên	20.6	0.0%	0.7	984	0.5	39	528.2	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.4	-1.1%	1.1	9,413	45.6	5,616	8.6	2.9	26.7%	39.8%
HSG	Thép	37.6	-1.8%	1.4	798	16.9	7,745	4.8	1.9	10.5%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.5	-0.4%	0.6	8,224	16.9	4,572	19.8	6.0	55.0%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	153.1	-0.7%	0.8	4,269	1.4	7,293	21.0	4.7	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	134.0	-1.9%	0.9	6,878	11.5	1,787	75.0	7.4	33.5%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	20.3	-1.7%	1.2	545	5.8	1,070	19.0	1.6	9.0%	8.7%
ACV	Vận tải	79.0	2.6%	0.8	7,477	1.6	577	136.9	4.6	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	118.7	0.0%	1.1	2,795	2.5	290		3.8	18.3%	1.0%
HVN	Vận tải	21.7	-0.5%	1.7	2,093	0.4	(7,377)		27.0	9.0%	-155.4%
GMD	Vận tải	48.3	-2.3%	1.0	633	13.4	1,357	35.6	2.4	42.1%	6.7%
PVT	Vận tải	20.6	0.5%	1.4	290	5.0	2,340	8.8	1.4	15.3%	16.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	121.0	-1.2%	0.9	842	1.8	9,806	12.3	4.6	3.8%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.2	1.2%	0.4	666	4.2	2,006	17.0	2.4	5.6%	13.8%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.8	6.2%	0.9	312	3.3	1,651	11.4	1.3	2.9%	11.3%
CTD	Xây dựng	68.1	3.2%	1.0	219	3.8	2,005	34.0	0.6	43.8%	1.8%
CII	Xây dựng	18.2	6.7%	0.5	189	4.1	69	263.4	0.9	22.4%	0.3%
REE	Điện	55.7	-1.2%	-1.4	748	1.1	5,806	9.6	1.4	49.0%	15.8%
PC1	Điện	30.3	3.8%	-0.4	252	8.8	2,414	12.6	1.4	9.9%	12.9%
POW	Điện	11.4	-0.9%	0.6	1,156	3.9	1,090	10.4	0.9	3.0%	8.8%
NT2	Điện	19.2	0.3%	0.5	240	0.2	1,093	17.6	1.3	13.7%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	34.9	1.5%	1.1	713	16.5	1,794	19.5	1.6	19.4%	8.5%
BCM	Khu công nghiệp	45.0	1%	1.0	2,025	0.1			3.0	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	117.00	0.86	0.91	5.23MLN
VPB	61.90	1.14	0.47	9.89MLN
BVH	55.30	2.03	0.22	1.43MLN
GVR	34.30	0.59	0.22	5.68MLN
DIG	32.55	6.37	0.22	18.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MSN	0.00	-0.83	1.95MLN	1.11MLN
HPG	0.00	-0.67	21.55MLN	607060
MWG	0.00	-0.64	1.17MLN	373600
VCB	0.00	-0.60	986600	192700
FPT	0.00	-0.56	8.40MLN	611640

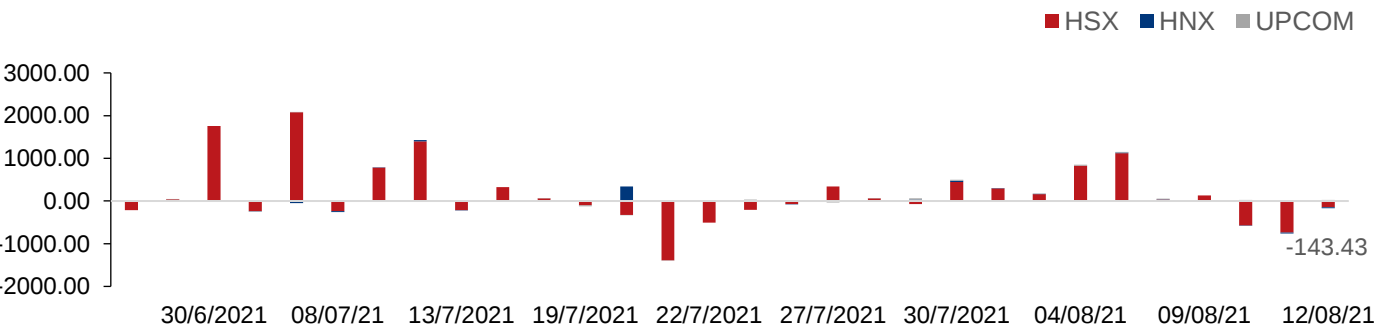
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPG	39.05	6.99	0.03	2.51MLN
TLG	43.65	6.99	0.06	456600
UDC	6.59	6.98	0.00	118400
GSP	13.80	6.98	0.01	537700
VMD	32.25	6.97	0.01	20900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCL	39.25	-6.99	-0.02	1.07MLN
BFC	36.20	-6.94	-0.04	1.31MLN
HAH	59.10	-6.93	-0.06	3.31MLN
VNL	25.00	-6.89	-0.01	537400
MHC	11.60	-6.83	-0.01	7.17MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	35.3	3,589	9.8	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	79.0	577	136.9	4.6	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	29.4	1,686	17.4	1.5	Click
5	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.8	600	18.0	1.0	Click
6	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	9.5	-411		0.9	Click
7	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	34.2	3,949	8.6	1.4	Click
8	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	34.4	3,407	10.1	1.8	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	22.0	1147.9	19.2	1.9	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	98.5	5,868	16.8	3.8	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	159.6	9,205	17.3	5.1	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	39.1	4,873	8.0	2.1	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	32.5	2,885	11.3	1.5	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.7	2,868	11.7	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	22.7	1,586		1.4	Click
16	ELC	Viễn thông	Mua	27/8/20	14.5	18.8	17.0	641	26.5	1.0	Click
17	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	93.8	4,233	22.2	5.1	Click
18	GLT	CNTT	Theo dõi	18/9/20	33.0	N/a	34.1	3,617	9.4	2.7	Click
19	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.3	1,201	28.6	2.8	Click
20	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.4	5,616	8.6	2.9	Click
21	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	37.6	7,745	4.8	1.9	Click
22	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	18.8	1,651	11.4	1.3	Click
23	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	9.1	-1,169		0.8	Click
24	KDH	Bất động sản	Mua	11/5/21	36.8	42.1	40.4	1,969	20.5	2.9	Click
25	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	52.6	6,758	7.8	1.9	Click
26	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	24.8			1.9	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	76.5	6,544	11.7	2.6	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	170.0	9,594	17.7	4.4	Click
29	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	42.5	3,925	10.8	1.9	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	30.3	2,414	12.6	1.4	Click
31	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	35.5	2,380	14.9	2.2	Click
32	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	94.5	5,816	16.2	3.8	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	11.4	1,090	10.4	0.9	Click
34	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
35	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.7	0	716.9	0.6	Click
36	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	26.5	1,160	22.8	1.0	Click
37	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.3	1,070	19.0	1.6	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.5	1,064	33.4	3.6	Click
39	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	46.4	15775.2	2.9	1.3	Click
40	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.0	4,613	11.3	2.2	Click
41	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.9	5,533	18.1	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.6	570	32.6	1.5	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	42.2	4,038	10.4	1.4	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	117.0	9,941	11.8	4.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.9	5,052	12.3	2.5	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.0	1,195	23.4	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	86.0	3,256	26.4	7.4	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
2	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
3	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
5	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
8	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
10	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
12	Banking Sector Outlook		x	Click
13	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
15	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
16	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
17	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
18	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
20	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
22	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
23	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
25	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
26	Fishery Outlook 2021		x	Click
27	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
28	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
29	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
30	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
31	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
32	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
33	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
34	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
36	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
37	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
38	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
40	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639